LIVELIHOOD CAPITAL AND LIVELIHOOD VULNERABILITY OF SAN CHAY FARMERS IN PHU LUONG DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Nguyen Van Tam[1*], Pham Ngoc Vu[2]
[1]*TNU - University of Agriculture and Forestry*
[2]*Committee of Du town, Phu Luong district*

ARTICLE INFO

Received: 23/5/2023
Revised: 17/7/2023
Published: 17/7/2023

KEYWORDS

Livelihood capital
Livelihood vulnerability
Vulnerability index
San Chay ethnic group
Phu Luong district

ABSTRACT

The study uses the sustainable livelihood framework analysis method and vulnerability assessment method to assess the current status of livelihood capital and livelihood vulnerability index of San Chay ethnic farmers in Phu Luong district, Thai Nguyen province. Research results show that San Chay ethnic farmers in Phu Luong district, Thai Nguyen province have diversified and abundant livelihood capital, especially social capital. However, the livelihood vulnerability index of farmers of San Chay ethnic group is quite high (VI = 0.51). Among the 5 livelihood capital sources of San Chay ethnic farmers, human capital and natural capital have the highest livelihood vulnerability index (VI = 0.63), other livelihood capital sources have lower VI. From the above results, the study proposes solutions to improve the livelihoods of San Chay ethnic farmers in Phu Luong district, Thai Nguyen province in the coming time.

NGUỒN VỐN SINH KẾ VÀ TỔN THƯƠNG SINH KẾ CỦA NÔNG HỘ DÂN TỘC SÁN CHAY TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Văn Tâm[1*], Phạm Ngọc Vũ[2]
[1]*Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên*
[2]*Ủy ban nhân dân thị trấn Đu, huyện Phú Lương*

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 23/5/2023
Ngày hoàn thiện: 17/7/2023
Ngày đăng: 17/7/2023

TỪ KHÓA

Nguồn vốn sinh kế
Tổn thương sinh kế
Chỉ số tổn thương
Dân tộc Sán Chay
Huyện Phú Lương

TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích khung sinh kế bền vững và phương pháp đánh giá tính dễ bị tổn thương nhằm đánh giá thực trạng nguồn vốn sinh kế và chỉ số tổn thương sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có nguồn vốn sinh kế đa dạng, phong phú, đặc biệt là nguồn vốn xã hội. Tuy nhiên, chỉ số tổn thương sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay ở mức khá cao (VI = 0,51). Trong 5 nguồn vốn sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay thì nguồn vốn nhân lực và nguồn vốn tự nhiên có chỉ số tổn thương sinh kế cao nhất (VI = 0,63), các nguồn vốn sinh kế còn lại có VI thấp hơn. Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

DOI: https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7990

* Corresponding author. *Email: nguyenvantam@tuaf.edu.vn*

1. Đặt vấn đề

Nâng cao thu nhập cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là người dân nông thôn từ lâu đã là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, đã có rất nhiều chính sách, chương trình tháo gỡ khó khăn giúp người dân thoát nghèo. Để thực hiện các chương trình, chính sách có hiệu quả, việc nghiên cứu các vấn đề liên quan đến sinh kế người dân như hoạt động sinh kế, nguồn vốn sinh kế, tổn thương sinh kế… là rất cần thiết. Phú Lương là một huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên. Trên địa bàn huyện có gần 10 dân tộc anh em (Kinh, Tày, Sán Chay, Nùng, Dao, Sán Dìu…) cùng chung sống, trong đó, số lượng dân tộc Sán Chay lớn thứ ba với 12.965 người (năm 2021) [1]. Để nâng cao chất lượng cuộc sống của nông hộ dân tộc Sán Chay, việc nghiên cứu về sinh kế, đặc biệt là nguồn vốn sinh kế và chỉ số tổn thương sinh kế của nông hộ là vô cùng quan trọng. Hiện nay, đã có một số nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến sinh kế nông hộ như kết quả sinh kế [2], thay đổi sinh kế [3], đa dạng sinh kế [4], tổn thương sinh kế [5]. Bên cạnh đó, cũng có những nghiên cứu tập trung vào đánh giá nguồn lực sinh kế của nông hộ từ đó làm căn cứ đề xuất các giải pháp cải thiện sinh kế nông hộ [6] - [10]. Nhìn chung, các nghiên cứu đã làm rõ được các nguồn vốn sinh kế của hộ cũng như đưa ra được công thức tính chỉ số tổn thương sinh kế của hộ.

Xuất phát từ thực tiễn tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và lý luận từ các nghiên cứu đã có, nghiên cứu này tập trung vào đánh giá đúng thực trạng nguồn vốn sinh kế, xác định được chỉ số tổn thương sinh kế để đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Căn cứ vào nguồn số liệu thứ cấp, tác giả lựa chọn ba xã, gồm Phú Đô, Tức Tranh, Yên Lạc để khảo sát thu thập dữ liệu, đây là ba xã có số lượng nông hộ dân tộc Sán Chay lớn nhất của huyện Phú Lương với số hộ dân tộc Sán Chay lần lượt là 723 hộ, 658 hộ và 802 hộ [1]. Tại mỗi xã, tác giả lựa chọn 3 thôn có nông hộ dân tộc Sán Chay sinh sống có tính đại diện cho điều kiện kinh tế, xã hội của toàn xã. Tại mỗi thôn, tác giả chọn ngẫu nhiên 10 hộ/thôn, khi đó, mẫu được chọn để tiến hành điều tra, khảo sát là 10*3*3 = 90 hộ.

Bộ câu hỏi phỏng vấn nông hộ được thiết kế trước, sau khi điều tra thử tại thực địa đã được chỉnh sửa và bổ sung hoàn thiện. Bảng câu hỏi phỏng vấn hộ gia đình là các câu hỏi đóng, kết hợp với một số câu hỏi mở nhằm làm rõ thêm hoặc chuyển tiếp chủ đề trong thu thập cơ sở dữ liệu sơ cấp.

2.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Số liệu sau khi thu thập được tổng hợp bằng phần mềm Excel. Kết quả từ việc tổng hợp sẽ được trình bày qua các bảng số liệu.

2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Để đánh giá được nguồn vốn sinh kế của các nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên, ngoài việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh, nghiên cứu sử dụng khung sinh kế bền vững của DFID (Department for International Development) [5] cụ thể như sau:

Theo hình 1, các nguồn vốn sinh kế của nông hộ bao gồm:

Vốn tự nhiên: bao gồm các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ mà con người sử dụng cho hoạt động của mình. Trong khung sinh kế bền vững, mối quan hệ giữa vốn tự nhiên và các hoạt động ngoại cảnh rất chặt.

Vốn nhân lực: thể hiện các kỹ năng, kiến thức, khả năng lao động và sức khỏe mà sự kết hợp các yếu tố này có thể làm cho nông hộ theo đuổi các mưu sinh và đạt mục tiêu mưu sinh của họ khác nhau.

Vốn xã hội: thể hiện mạng lưới giao tiếp, thành viên của các tổ chức hội, đoàn và các quan hệ tin cậy.

Vốn vật chất: cơ sở hạ tầng và các phương tiện nông hộ cần cho hoạt động sống. Các thành phần của cơ sở hạ tầng bao gồm: Giao thông, đường xá, chỗ ở và nhà cửa, đủ nước cung cấp và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

Vốn tài chính: thể hiện nguồn tài chính mà nông hộ sử dụng để đạt được mục tiêu mưu sinh của họ.

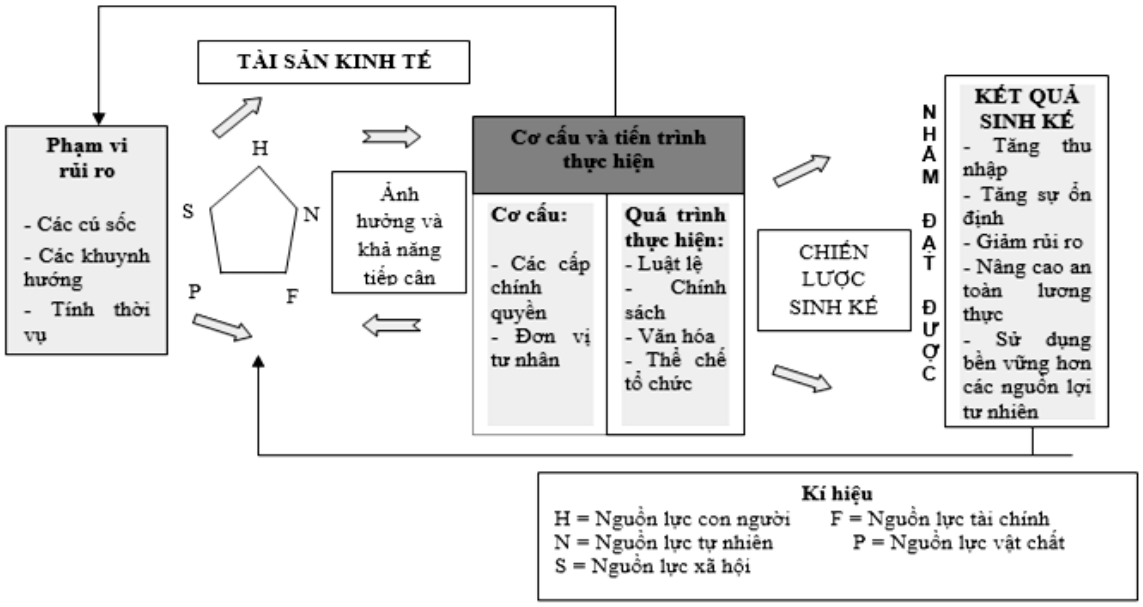

Hình 1. *Khung sinh kế bền vững của DFID (2000) [5]*

2.4. Các chỉ tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở khung sinh kế bền vững của DFID (Department for International Development) [5], nghiên cứu đánh giá tính tổn thương sinh kế qua các chỉ số VI (Vulnerability Index). Phương pháp tính VI được thực hiện như sau:

Chỉ số được chuẩn hóa của tiêu chí i (SIi - Standardized Index) được tính theo công thức:

$$SIi = (Ini - Inmin)/ (Inmax - Inmin) \quad (1)$$

Trong đó: Ini: là chỉ số trung bình của tiêu chí i; Inmax và Inmin: là những chỉ số lớn nhất và bé nhất của tiêu chí i.

Sau khi từng tiêu chí đã được chuẩn hóa, tất cả tiêu chí của một nguồn vốn sinh kế sẽ được trung bình cộng để hình thành nên tiêu chí của từng nguồn vốn sinh kế (con người, xã hội, vật chất, tài chính và tự nhiên). Công thức tính chỉ số của các nguồn vốn như sau [5]:

$$IC_j = \sum_{1}^{i} SI_i / i \quad (2)$$

Trong đó: ICj là chỉ số của từng nguồn vốn sinh kế j; SIi: là giá trị được chuẩn hóa của từng tiêu chí; i: là tổng số tiêu chí của một nguồn vốn sinh kế.

Chỉ số ACI được tính trung bình có trọng số theo tầm quan trọng của từng tiêu chí đóng góp vào năng lực thích ứng. Các giá trị trọng số này được thu thập từ phỏng vấn KIP (phỏng vấn người am hiểu) và thảo luận nhóm, được đánh giá dựa theo thang điểm 10. Từ thang điểm 10 sẽ chuyển thành thang điểm 1 (từ 0 đến 1), trong đó 0 là thấp nhất và 1 là cao nhất [5].

$$ACI = \sum_{1}^{5} W_j \times IC_j / \sum W_j \quad (3)$$

Trong đó: Wj: là trọng số của nguồn vốn sinh kế thứ j; ICj: là chỉ số của nguồn vốn sinh kế thứ j.

Theo kết quả thực hiện phỏng vấn với nông hộ dân tộc Sán Chay tại huyện Phú Lương, các giá trị về trọng số của các nguồn vốn sinh kế nông hộ cụ thể là đối với nguồn vốn nhân lực, nguồn vốn tài chính có trọng số 1, nguồn vốn xã hội và nguồn vốn vật chất có trọng số là 9, nguồn vốn tự nhiên có trọng số là 8.

Tính tổn thương sinh kế nông hộ được tính theo công thức sau [5]:

$$VI = 1 - ACI \quad (4)$$

Trong đó: ACI (Adaptive Capacity Index) là chỉ số năng lực thích ứng; VI (Vulnerability Index) là chỉ số dễ bị tổn thương.

Chỉ số tổn thương sinh kế (VI) được sử dụng để đánh giá mức độ tổn thương sinh kế dưới tác động của các điều kiện kinh tế - xã hội thông qua 5 nguồn vốn sinh kế của nông hộ. Chỉ số tổn thương sinh kế (VI) có giá trị [0 - 1]. Chỉ số tổn thương sinh kế (VI) càng gần giá trị 1 thì khả năng tổn thương sinh kế của nông hộ càng cao.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Hoạt động sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Thu nhập của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương là chỉ tiêu quan trọng phản ánh kết quả của các hoạt động sinh kế, kết quả khảo sát được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1. *Thu nhập của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương*

STT	Chỉ tiêu	Trung bình	
		Số lượng *(nghìn đồng/hộ/tháng)*	**Tỷ lệ** *(%)*
1	Tiền công, tiền lương	2.099,41	23,33
2	Nông nghiệp (gồm lâm nghiệp, thủy sản)	3.986,83	44,31
3	Phi nông nghiệp	2.461,99	27,36
4	Nguồn khác	449,78	5,00
	Tổng	**8.998,00**	**100,00**

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2021)

Bảng 1 cho thấy, thu nhập bình quân của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương là 8.998 nghìn đồng/hộ/tháng. Thu nhập bình quân hộ gia đình có tỷ lệ thuận với số nhân khẩu trong từng hộ và có sự khác nhau giữa các địa phương. Về cơ cấu các nguồn thu, thu nhập từ hoạt động sinh kế nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản) chiếm tỷ trọng cao nhất với 44,31% thu nhập của nông hộ dân tộc Sán Chay. Bên cạnh đó, nguồn thu từ các hoạt động phi nông nghiệp, tiền công và tiền lương lần lượt chiếm 27,36% và 23,33%. Trong những năm qua, do quá trình công nghiệp hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Phú Lương nói riêng nên con em của các hộ gia đình dân tộc Sán Chay có tham gia các hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ nhiều hơn hẳn so với 10 năm trước đây, do đó, cơ cấu thu nhập từ các hoạt động sinh kế từ công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng.

3.2. Vốn sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương

3.2.1. Vốn nhân lực

Kết quả nghiên cứu về nguồn vốn nhân lực của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cho thấy, tỷ lệ lao động nữ chiếm 56,36% tổng lao động. Số nhân khẩu trung bình của hộ là 5,43 khẩu/hộ, lao động bình quân là 3,84 người/hộ. Chủ hộ có ảnh hưởng lớn đến sinh kế của nông hộ. Nhìn chung, độ tuổi chủ hộ cao và tỷ lệ lao động nữ cao gây khó khăn đến việc đa dạng hóa nguồn sinh kế và phát triển nguồn sinh kế mới của nông hộ. Độ tuổi bình quân của chủ hộ dân tộc Sán Chay tương đối cao (51,3 tuổi). Chủ hộ có học vấn cấp II chiếm tỷ lệ cao nhất với 57,78%; chủ hộ có học vấn cấp III chiếm 21,11% và chủ hộ có trình

độ đại học cao đẳng là 3,33%. Theo kết quả đánh giá, nguồn lao động trong gia đình hiện tại đủ để đáp ứng cho hoạt động sản xuất của nông hộ.

3.2.2. Vốn tự nhiên

Đất canh tác là yếu tố quan trọng trong phát triển sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Bảng 2. *Diện tích đất của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
1	Tổng diện tích đất/hộ	m^2/ hộ	10.842	22.102	987
2	Diện tích đất sản xuất	m^2/ hộ	10.204	21.145	936

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2021)

Diện tích đất của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương được thể hiện qua bảng 2. Tổng diện tích đất bình quân của nông hộ dân tộc Sán Chay là 10.842 m^2. Trong đó, diện tích đất sản xuất bình quân 10.204 m^2 (chiếm 94,12 %). Hộ có diện tích đất sản xuất cao nhất là 21.145 m^2 và hộ có diện tích đất sản xuất thấp nhất là 936 m^2.

3.2.3. Vốn tài chính

Vốn tài chính có vai trò đặc biệt quan trọng để các hộ gia đình quyết định thực hiện một hoạt động tạo sinh kế nào đó. Chi tiêu của gia đình, vốn sản xuất… là những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá vốn tài chính của nông hộ. Kết quả nghiên cứu về vốn tài chính của nông hộ dân tộc Sán Chay được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. *Tình hình vay vốn của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương*

STT	Chỉ tiêu	Kết quả
1	**Nguồn vốn vay** *(%)*	
-	Không vay	40,00
-	Có vay	60,00
2	**Nhu cầu vốn** *(Triệu đồng/hộ/năm)*	
-	Lượng vốn sản xuất	116,24
-	Lượng vốn gia đình cần vay	64,5
3	**Khả năng tiếp cận** *(%)*	
-	Dễ	35,56
-	Bình thường	50,00
-	Khó	14,44

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2021)

Vốn có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển sản xuất của nông hộ, kết quả khảo sát cho thấy có 60,00% nông hộ Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương có vay vốn phục vụ sản xuất của gia đình. Trong các nguồn vay, tỷ lệ hộ vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm tỷ lệ cao nhất với 21,11%, tiếp đến là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chiếm 15,56%), còn lại các hộ vay từ họ hàng, các quỹ tín dụng, của bạn bè. Nhu cầu vốn sản xuất của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương là 116,24 triệu đồng/năm. Trong đó, vốn gia đình tự có là 64,50 triệu đồng. Theo kết quả nghiên cứu, khả năng tích lũy thấp và hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay nên nhiều hộ không đủ vốn để đảm bảo chiến lược sinh kế mà họ đang theo đuổi. Ngoài ra, một số ưu tiên sử dụng vốn vay để giải quyết những khó khăn trước mắt làm giảm vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất của hộ. Trong phát triển sinh kế, việc tiếp cận vốn là rất quan trọng nhưng việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả còn quan trọng hơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nông hộ dân tộc Sán Chay vay vốn được sử dụng vào bốn mục đích gồm sản xuất, chi tiêu, chữa bệnh và cho con đi học. Trong đó, sử dụng với mục đích phát triển sản xuất chiếm tỷ lệ cao nhất (81,11%), sử dụng với mục đích chi tiêu (15,56%).

3.2.4. Vốn xã hội

Nguồn vốn xã hội được xem xét trên các khía cạnh: tham gia các tổ chức, các hội tại địa phương, quan hệ trong gia đình, tập quán và văn hóa địa phương, các thiết chế cộng đồng, khả năng tiếp cận và cập nhật thông tin của người dân đối với sản xuất và đời sống.

Theo số liệu điều tra, đa số các hộ có thành viên trong gia đình tham gia các tổ chức đoàn thể xã hội tại địa phương, trong đó hội nông dân và hội phụ nữ là hai tổ chức được nhiều người tham gia nhất. Số hộ tham gia hội nông dân chiếm 87,78%, số hộ tham gia hội phụ nữ là 68 hộ (với 75,56%). Hoạt động thường niên của các cơ quan, ban ngành huyện Phú Lương là tổ chức các lớp tập huấn về sản xuất nông lâm nghiệp cho các hộ nông dân nói chung (trong đó có các nông hộ dân tộc Sán Chay). Kết quả nghiên cứu cho thấy có 92,22% số hộ được hỏi đã từng tham gia các lớp tập huấn của tỉnh, huyện, xã. Số hộ chưa từng tham gia tập huấn là 7,78%, nguyên nhân do khi lớp tập huấn được tổ chức thì gia đình có việc bận nên không tham gia được.

3.2.5. Vốn vật chất

Vốn vật chất ở đây được hiểu là cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật, phương tiện sản xuất, bao gồm cả những tài sản của cộng đồng và tài sản của các nông hộ.

Bảng 4. *Tình trạng nhà ở của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương*

STT	Chỉ tiêu	Số hộ *(hộ)*	Tỷ lệ *(%)*
1	**Diện tích đất thổ cư**		
1.1	< 200 m^2	10	11,11
1.2	200 – 300 m^2	38	42,22
1.3	301 – 500 m^2	29	32,22
1.4	Trên 500 m^2	13	14,44
2	**Tình trạng nhà ở**		
2.1	Kiên cố	55	61,11
2.2	Bán kiên cố	31	34,44
2.3	Nhà đơn sơ/tạm bợ	4	4,44

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2021)

Kết quả nghiên cứu tại bảng 4 cho thấy: Đa số nông hộ dân tộc Sán Chay (42,22%) sở hữu đất thổ cư từ 200 – 300 m^2, có 29 hộ (chiếm 32,22%) sở hữu diện tích đất thổ cư từ 301 đến 500 m^2, còn lại là các hộ sở hữu dưới 200 m^2 và trên 500 m^2. Bảng 4 cũng cho thấy 61,11% số hộ có nhà kiên cố. Tuy nhiên, vẫn còn 4 hộ (4,44%) có nhà đơn sơ, nhà tạm bợ. Nhìn chung, vấn đề đất thổ cư và nhà ở cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã.

3.3. Chỉ số tổn thương sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Tổn thương sinh kế là sự không bảo đảm đời sống của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng khi đối mặt với những thay đổi của nguồn vốn sinh kế. Kết quả nghiên cứu chỉ số tổn thương sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên được thể hiện qua bảng 5.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 5 cho thấy năng lực thích ứng của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương ở mức thấp. Trong 5 nguồn vốn sinh kế, ý kiến của người dân cho rằng nguồn vốn tài chính và nguồn vốn nhân lực được đánh giá là quan trọng nhất đối với sinh kế của người dân nhưng chỉ số năng lực thích ứng của hai nguồn vốn này lần lượt chỉ đạt VI = 0,37 và VI = 0,47. Đối với nguồn vốn nhân lực, năng lực thích ứng thấp là do trình độ học vấn của người dân thấp và độ tuổi của chủ hộ cao. Đối với nguồn vốn tài chính, năng lực thích ứng thấp là do nhu cầu vốn sản xuất của nông hộ ngày càng cao. Kết quả bảng 5 cho thấy, chỉ số tổn thương của hai nguồn vốn nhân lực và tài chính lần lượt là VI = 0,63 và VI = 0,53.

Bảng 5. *Chỉ số tổn thương về sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương*

Vốn	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị trung bình	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị
Nhân lực	Tuổi bình quân	Tuổi	51,3	78	32	0,42
	Tổng lao động	Lao động/hộ	3,84	6	1	0,57
	Lao động phụ thuộc	Lao động/hộ	1,59	3	0	0,53
	Trình độ học vấn	Từ 1 đến 5	2,26	5	1	0,32
	Chỉ số IC về vốn nhân lực					*0,37*
	Năng lực thích ứng ACI về vốn nhân lực					*0,37*
	Chỉ số tổn thương VI về vốn nhân lực					*0,63*
Tự nhiên	Tổng diện tích đất/hộ	m^2/ hộ	10842	22102	987	0,47
	Diện tích đất sản xuất	m^2/ hộ	10204	21145	936	0,46
	Chỉ số IC về vốn tự nhiên					*0,46*
	Năng lực thích ứng ACI về vốn tự nhiên					*0,37*
	Chỉ số tổn thương VI về vốn tự nhiên					*0,63*
Tài chính	Lượng vốn sản xuất	Triệu đồng/hộ/năm	116,24	250	42	0,36
	Lượng vốn gia đình cần vay	Triệu đồng/hộ/năm	64,5	120	19	0,45
	% số hộ có nhu cầu vay vốn	Từ 1 đến 5	60	100	0	0,60
	Chỉ số IC về vốn tài chính					*0,47*
	Năng lực thích ứng ACI về vốn tài chính					*0,47*
	Chỉ số tổn thương VI về vốn tài chính					*0,53*
Xã hội	Tỷ lệ hộ có tham gia các hoạt động tập huấn	%	92,22	100	0	0,92
	Tỷ lệ hộ tham gia các tổ chức đoàn thể	%	94,44	100	0	0,94
	Chỉ số IC về vốn xã hội					*0,93*
	Năng lực thích ứng ACI về vốn xã hội					*0,84*
	Chỉ số tổn thương VI về vốn xã hội					*0,16*
Vật chất	Diện tích đất thổ cư	m^2	360	680	120	0,43
	Tình trạng nhà ở	Từ 1 đến 5	2,18	5	0	0,44
	Phương tiện phục vụ sản xuất	Từ 1 đến 5	2,54	5	0	0,51
	Chỉ số IC về vốn vật chất					*0,46*
	Năng lực thích ứng ACI về vốn vật chất					*0,41*
	Chỉ số tổn thương VI về vốn vật chất					*0,59*
Chỉ số tổn thương về sinh kế của nông hộ						0,,51

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2021)

Đối với nguồn vốn xã hội và nguồn vốn vật chất, kết quả nghiên cứu cho thấy, nguồn vốn xã hội của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương có chỉ số năng lực thích ứng ở mức cao nhất với ACI = 0,84. Kết quả như vậy là do các thành viên của nông hộ dân tộc Sán Chay rất nhiệt tình tham gia các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương cũng như tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh. Nguồn vốn vật chất của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương có chỉ số năng lực IC = 0,46, chỉ số này được quyết định bởi tình trạng nhà ở, diện tích đất thổ cư, phương tiện phục vụ sản xuất của nông hộ. Chỉ số tổn thương của nguồn vốn xã hội và nguồn vốn vật chất của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương lần lượt là VI = 0,16 và VI = 0,59. Nguồn vốn tự nhiên của nông hộ được đánh giá ở trọng số 0,8, nguồn vốn này được quyết định bởi các yếu tố liên quan đến đất sản xuất của hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số tổn thương của nguồn vốn tự nhiên là VI = 0,63.

Do nguồn vốn về sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay còn hạn chế (trừ nguồn vốn xã hội) khiến cho sinh kế nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương dễ bị tổn thương. Kết quả được thể hiện qua chỉ số tổn thương về sinh kế của nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương là khá cao (VI = 0,51).

4. Kết luận

Qua nghiên cứu cho thấy, các nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có chỉ số tổn thương sinh kế khá cao (VI = 0,51). Trong các nguồn vốn sinh kế của hộ thì nguồn vốn nhân lực và nguồn vốn tự nhiên có tính dễ bị tổn thương cao nhất (VI = 0,63). Nguyên nhân chính là do trình độ học vấn của người dân thấp và diện tích đất sản xuất/hộ thấp. Trong tương lai, để cải thiện sinh kế cho nông hộ dân tộc Sán Chay trên địa bàn huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên bên cạnh việc áp dụng đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng thích ứng của các nguồn vốn sinh kế còn cần tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau: *Thứ nhất*, nâng cao hiệu quả đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ kỹ thuật của người dân nhằm khắc phục những hạn chế do trình độ học vấn còn thấp ảnh hưởng tới thực hiện các hoạt động sinh kế; *Thứ hai*, tập trung vào cây trồng có giá trị kinh tế cao, từng bước đưa các sản phẩm nông nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị để nâng cao thu nhập cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

[1] People's Committee of Phu Luong district, *Report on socio-economic development of Phu Luong district in 2021*, 2022.

[2] V. T. Vo and C. D. Le, "Factors affecting farmers's living results in Cuu Long River Delta," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 38, pp. 120-129, 2015.

[3] A. D. Le and T. M. D. Pham, "Changing livelihoods of farmers in the suburbs of Nam Dinh city," *Vietnam Agricultural Science Journal*, vol. 15, pp. 270-279, 2017.

[4] H. Q. Hoang, T. H. S. Le, and N. T. Tran, "Various livelihoods and income of farmers in the Acacia planting mountains area of Thua Thien Hue province," *Hue University Journal of Science*, vol. 129, pp. 55-68, 2020.

[5] H. T. Vo and T. T. Nguyen, "Livelihood vulnerability of rural out-migrants in the Mekong Delta," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 32, pp. 117-124, 2014.

[6] T. S. Lam and H. T. Nguyen, "Factors affecting the livelihood of rice farmers in An Giang and Dong Thap," *Journal of Vietnam Agricultural Science and Technology*, vol. 5, pp. 82-88, 2020.

[7] T. T. Dong, H. L. Tran, T. T. Nguyen, and T. M. H. Hoang, "Characteristics of livelihood capital sources and factors affecting household income in Drang Phok village, Yok Don National Park," *Journal of Forestry Science and Technology*, vol. 1, pp. 130-140, 2019.

[8] H. B. Pham, T. D. Vo, and Q. N. Cao, "Solutions to improve household livelihoods on forest stands in the coastal area of Ca Mau," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 16, pp. 265-275, 2010.

[9] T. T. Dong and T. D. Kieu, "Characteristics of resources affecting household livelihoods after migration and resettlement in Vay Nua commune, Da Bac district, Hoa Binh province," *Journal of Forestry Science and Technology*, vol. 4, pp. 128-138, 2021.

[10] H. T. Vo and T. T. Nguyen, "Livelihood assets and solutions for improving households' income in new rural areas of Hau Giang province," *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science*, vol. 16, pp. 20-35, 2021.